

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54/2019/HNGĐ – ST.

Ngày: 20/02/2019.

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Minh;
2. Bà Trần Thị Trúc Mai.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A. Tòa án nhân dân huyện A, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Bích T**, sinh năm: 1996;

Cư trú: tổ 5, ấp 1, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm: 1992;

Cư trú: tổ 13, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 13/11/2018 với các tài liệu kèm theo, quá trình tố tụng tại Tòa án bà Phạm Thị Bích T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông H là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau lên Bình Dương làm thuê, cuộc sống tương đối khó khăn nhưng vẫn xem là hạnh phúc. Đến năm 2015 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, nguyên nhân là do ông H uống nhiều rượu, bà T khuyên ngăn thì ông H ra tay đánh, cha mẹ hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không còn hạnh phúc, nên bà xin được ly hôn với ông H.

*Về quan hệ con chung:* Bà và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày: 13/01/2012 và Lê Văn V, sinh ngày: 07/11/2014, hiện cháu T đang sống với ông H, cháu V sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và đồng ý theo nguyện vọng

của cháu T, sẽ do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đã đến tận nhà ông đã ghi lời khai nhưng ông cũng không có mặt nên tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 04/01/2019.

### ***Chứng cứ thu thập được:***

Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà là mẹ ruột của bà T. Quan hệ hôn nhân đúng như bà T trình bày, về nguyên nhân ly hôn là do ông H uống rượu nhiều, bà T lên tiếng khuyên ngăn thì bị ông đánh và đánh cả trong lúc mang thai. Bản thân bà nhiều lần chứng kiến, chỉ biết khuyên hai con nên nhường nhịn vì con mà tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, ông H không thay đổi nên hai người đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà T nộp đơn ly hôn chứng tỏ bà đã hết tình cảm với ông H nên bà cũng không hàn gắn nữa, tùy bà T quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

*Về thủ tục tố tụng:* Bà T xin được ly hôn với ông H. Ông H hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Tuyền và ông Hào có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông H, HĐXX xét thấy:

Mặc dù, Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông H và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà T và chứng cứ thu thập được qua lời trình bày của bà Y là mẹ của bà T, nhận thấy mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H uống nhiều rượu, không chăm lo làm ăn, bà T lên tiếng khuyên ngăn thì bị ông H ra tay đánh, gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được nên bỏ mặt hai vợ chồng tự giải quyết với nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, đó là một khoảng thời gian tương đối dài cho mối quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu

cầu ly hôn của bà T là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về quan hệ con chung:* Bà và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày: 13/01/2012 và Lê Văn V, sinh ngày: 07/11/2014, hiện cháu Trần đang sống với ông H, cháu V sống với bà T. Khi Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, còn cháu T thì có nguyện vọng tiếp tục sống với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay bà T nuôi dưỡng cháu V, ông H nuôi dưỡng cháu T, tình cảm đã thật sự gắn bó. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cả về mặt vật chất lẫn tinh thần cũng như về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm và môi trường sống, phát triển của hai cháu. Bên cạnh đó, cháu T cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với ông H, theo biên bản ghi nhận ý kiến tại giai đoạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử nghĩ nên giữ nguyên thỏa thuận ban đầu của bà T và ông H, giao cháu T cho ông H tiếp tục nuôi; cháu V cho bà T tiếp tục chăm sóc, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về cấp dưỡng:* Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng, HĐXX nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của bà T. Đối với ông H, do ông vắng mặt, không trực tiếp ghi nhận ý kiến của ông nên việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi ông H có đơn yêu cầu.

HĐXX cũng giải thích cho bà T biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con các đương sự phải tạo điều kiện cho nhau đến thăm con chung, không ai cản trở bà T và ông H thực hiện quyền này.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T khai không có, tuy nhiên ông H vắng mặt nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông H có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung hoặc nợ chung và ông H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về án phí:* Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn H.

*Về quan hệ con chung:* Bà T được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 07/11/2014; ông Lê Văn H được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày 13/01/2012. Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T, ông H và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông, bà đến thăm con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

*Về án phí:* Bà Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Tuyền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010877 ngày 04/12/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/12/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

*(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thanh Hoàng**